

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 11 - 2021
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 205/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu M, sinh năm: 2000; *Địa chỉ cư trú:* ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; *Địa chỉ cư trú:* ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thu M trình bày: Vào năm 2016 chị và anh Nguyễn Văn T sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Thường L), huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/7/2018, sau khi cưới chị và anh T lên tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để làm thuê, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2017 (hiện đang sống với anh T), sau đó đến đầu

năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau hay cãi vã trong vấn đề tiền bạc và anh T thường đi nhậu về kiểm chuyện đánh chị, đuổi chị đi, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị với anh T ly thân kể từ tháng 9/2020 đến nay, trong thời gian ly thân không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm, nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2017. Chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng (vì hiện cháu H đang sống với anh T), chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T, không có ý kiến gửi Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị M, anh T cưới nhau có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Mâu thuẫn do chuyện tiền bạc trong gia đình, anh T đi nhậu về kiểm chuyện đánh vợ đuổi ra khỏi nhà, từ tháng 9/2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nên chị M yêu cầu ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị M thống nhất giao cho anh T được tiếp tục nuôi dạy con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ phân tích và chứng cứ trên cho thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thu M là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thu M.

- Về con chung: Chấp nhận cho anh T được tiếp tục nuôi dạy cháu H và Chị M chưa phải cấp dưỡng do anh T chưa có ý kiến yêu cầu; nhưng chị M có quyền đến thăm, chăm sóc, nuôi dạy con chung và không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.
- Về nợ chung: Không đề cập giải quyết.
- * Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thu M đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở sự tự nguyện của chị Nguyễn Thu M với anh Nguyễn Văn T sống với nhau thành vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Thường L), huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/7/2018, nên quan hệ vợ chồng của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị M khai là không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nên đến đầu năm 2020 chị M đã ly thân với anh T cho đến nay. Nay chị M xin được ly hôn với anh T; còn anh T thì không có ý kiến tại Tòa án. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của chị M với anh T không còn, cụ thể qua các lần hòa giải Tòa án đã nhiều lần động viên chị M về đoàn tụ lại với anh T, nhưng chị M kiên quyết ly hôn, do đó xét thấy mặc dù không có ý kiến của anh T, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị M, anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh T.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị M khai và tài liệu có trong hồ sơ thì có 01 con chung với anh T, tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2017 (Hiện đang sống với anh T), chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: mặc dù cháu H mới được 04 tuổi, chưa có ý kiến của anh T và thực tế cháu H hiện nay đang sống anh T và chị M đã thống nhất giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, nên đây là tự nguyện của chị M và cũng nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định bình thường của cháu H, nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chưa có ý kiến của anh Nguyễn Văn T, chị M cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Qua nhận định trên xét thấy phát biểu đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát Huyện tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án như đã nêu là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0013109 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thu M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2017 (hiện đang sống với anh T – là cha); Chị Nguyễn Thu M (là mẹ) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chưa có ý kiến của anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thu M cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên chị Nguyễn Thu M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thu M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu M phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thu M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0013109 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Nguyễn Thu M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu M, bị đơn anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách